# Jquery

jQuery là một thư viện được xây dựng từ Javascript nhằm giúp lập trình viên xây dựng những chức năng có sử dụng Javascript trở nên dễ dàng hơn. jQuery được tích hợp nhiều module khác nhau từ module hiệu ứng cho đến module truy vấn selector. jQuery được sử dụng đến 99% trên tổng số website trên thế giới (trừ những website sử dụng JS Framework)

Mẫu code ví dụ

|  |
| --- |
| $(document).ready(function(){     $("p").click(function(){         $(this).hide();     }); }); |

Để sử dụng Jquery, vào trang web jquery.com down file jquery.js về và gán vào web thông qua lệnh

|  |
| --- |
| <head>  <script src="jquery-3.1.1.min.js"></script> </head> |

**Cú pháp cơ bản**

|  |
| --- |
| **$(*selector*).*action*()** |

**Ví dụ :**

$("p").hide() - ẩn tất cả thẻ p

Câu lệnh sẵn sàng để viết Jquery

|  |
| --- |
| $(document).ready(function(){    *// Viết code tại đây* }); |

**Jquery xác định thẻ html tương tự như CSS**

***#doanvan1*** : Tác động đến các thẻ html có ***id*** là doanvan1

***.doanvan*** : Tác động đến các thẻ html có ***class*** là doanvan

***p*** : Tác động đến các ***thẻ p***

Ngoài ra còn có thể viết kết hợp như sau

***$("p.intro")*** : tác động đến các ***thẻ p*** có ***class*** là intro

**Các hàm sự kiện**

*Click, dbclick* : Khi người dùng nhấn chuột

*Keypress,keydown,keyup* : Khi người dùng nhấn phím

*Submit, change, blur, focus* : Khi người dùng thao tác với form

**Các hàm hành động**

Hide, show

|  |
| --- |
| $(*selector*).hide(*speed*); ẩn 1 đối tượng $(*selector*).show(*speed*); hiện 1 đối tượng  $(*selector*).toggle(*speed*); ẩn hiện 1 đối tượng |

Fade

|  |
| --- |
| $(*selector*).fadeIn(*speed*);  $(*selector*).fadeOut(*speed*);  $(*selector*).fadeToggle(*speed*); |

Slide

|  |
| --- |
| $(*selector*).slideDown(*speed*);  $(*selector*).slideUp(*speed*);  $(*selector*).slideToggle(*speed*); |

Animate

Ví dụ 1:

|  |
| --- |
| $("button").click(function(){     $("div").animate({         opacity: '0.5',         height: '150px',         width: '150px'     }); }); |

Lấy và thay đổi dữ liệu, giá trị từ html

**Text()**

Lấy và thay đổi nội dung của một thẻ html chọn trước

Lấy dữ liệu Get

**alert("Nội dung: " + $("#doanvan1").text());**

Thay đổi Set

**$("#doanvan1").text("Chào mọi người!");**

**Html()**

Lấy và thay đổi nội dung **html** của một thẻ html chọn trước

Lấy dữ liệu Get

**alert("Nội dung HTML: " + $("#doanvan1").html());**

Thay đổi Set

**$("#doanvan1").html("<b>Chào mọi người!</b>");**

**Val()**

Lấy và thay đổi nội dung của một thẻ input form

Lấy dữ liệu

**alert("Giá trị: " + $("#hoten").val());**

Thay đổi

**$("#hoten").val("Khoa Phạm");**

**Attr()**

Lấy và thay đổi **thuộc tính** của một thẻ html chọn trước

Lấy dữ liệu

**alert($("#link").attr("href"));**

Thay đổi

**$("#link").attr("href", "http://khoapham.vn");**

**BÀI TẬP:**

Làm nút cập nhật số lượng

+ thì tăng lên 1

- thì giảm bớt 1

## append()

Append giúp ta thêm nội dung vào cuối 1 thẻ html

## prepend()

Prepend giúp ta thêm nội dung vào đầu 1 thẻ html

Thêm thẻ html bằng Jquery

|  |
| --- |
| $("body").append(“<p>Noidung</p>”); |

Xóa thẻ html bằng Jquery

- Xóa thẻ có id là div1

|  |
| --- |
| $("#div1").remove(); |

- Xóa tất cả nội dung và html bên trong thẻ có id là div1

|  |
| --- |
| $("#div1").empty(); |

Jquery CSS

Cài đặt Css cho thẻ p bằng Jquery

|  |
| --- |
| $("p").css({"background-color": "yellow", "font-size": "200%"}); |

Thêm class

|  |
| --- |
| $("div").addClass("duongvien"); |

Xóa class

|  |
| --- |
| $("div").removeClass("duongvien"); |

# JQUERY HỮU ÍCH

# Jquery Dialog

# Jquery datepicker

# Accordion

# Tabs

# Tooltip

# Sortable

# Selectable

# Menu